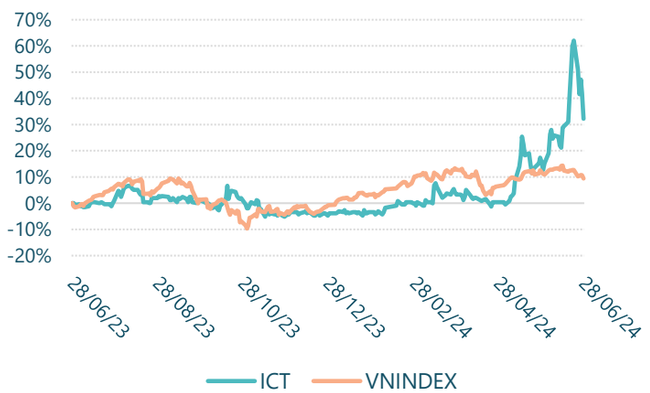
CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện (HSX: ICT)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	15,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.1%	**28.0%**	**37.6%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,150 - 19,050
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	500
Số lượng CPLH (CP)	32,185,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	315,345
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.66
EPS	1,036
P/E	15.0

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

689

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 589 | 589%

YoY: ▲ 101 | 17.2%

Nợ/VCSH

Q2/24

183%

YoY: +/-▲ 77.6%

LN gộp

Q2/24

52.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.6 | 121%

YoY: ▲ 9.20 | 21.4%

ROE (TTM)

Q2/24

5.2%

YoY: +/-▼ 0.8%

LN trước thuế

Q2/24

17.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.9 | 520%

YoY: ▼2.50 | -12.4%

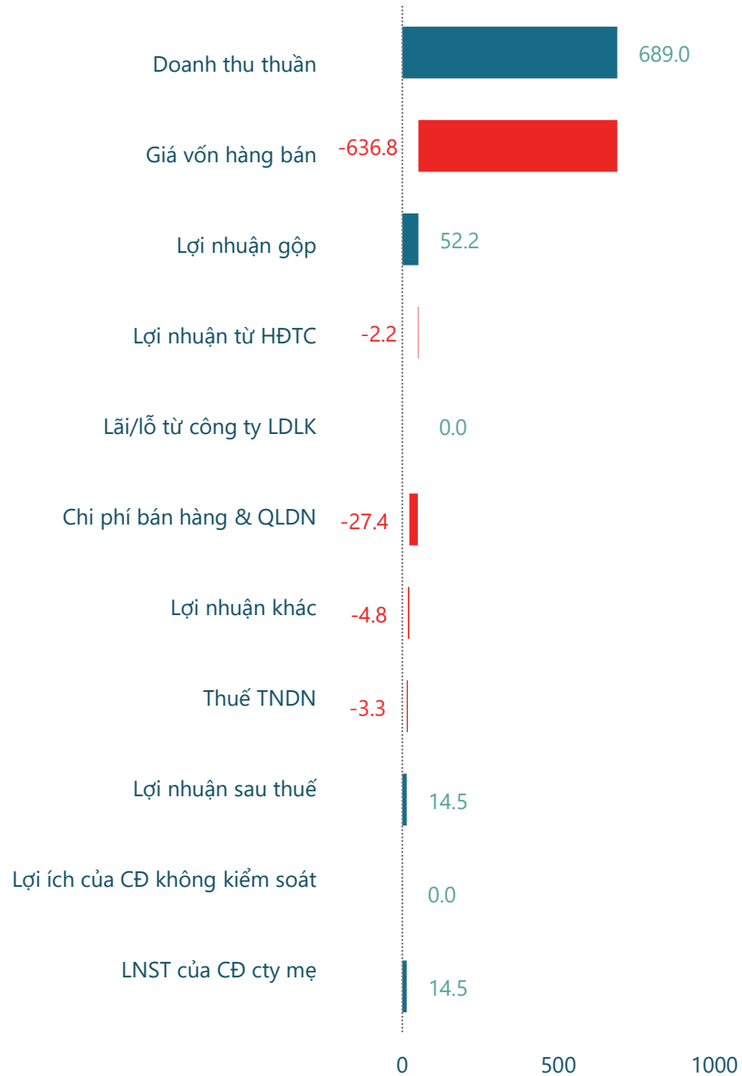
ROA (TTM)

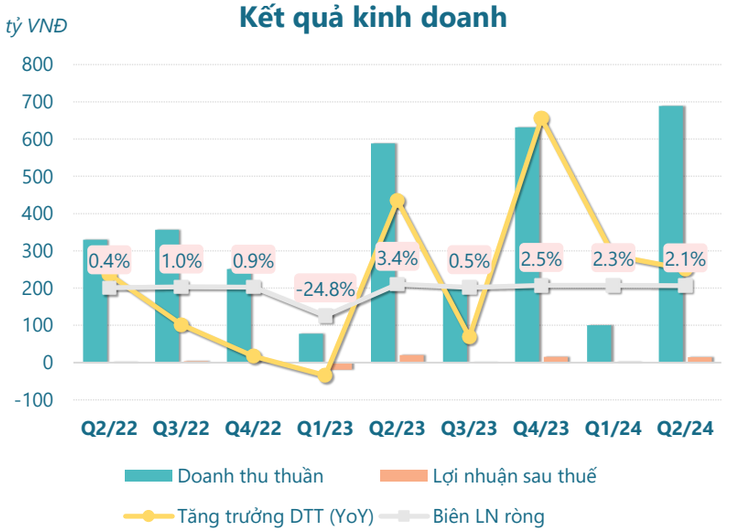
Q2/24

2.0%

YoY: +/-▼ 0.9%

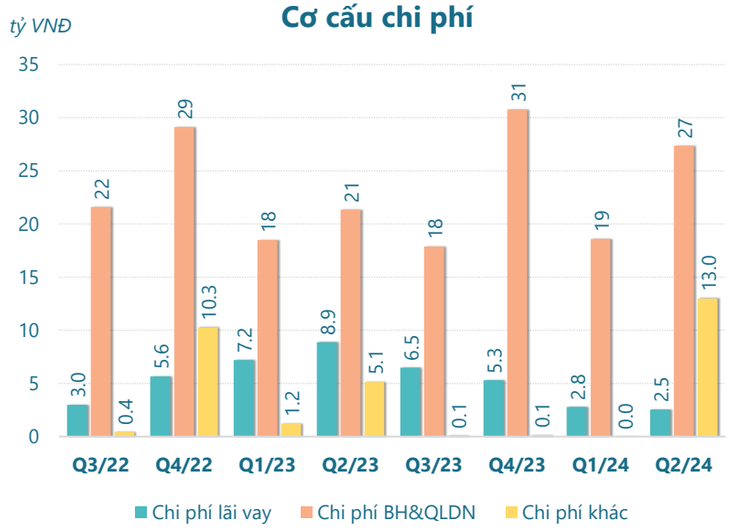
Kết quả kinh doanh Q2/24





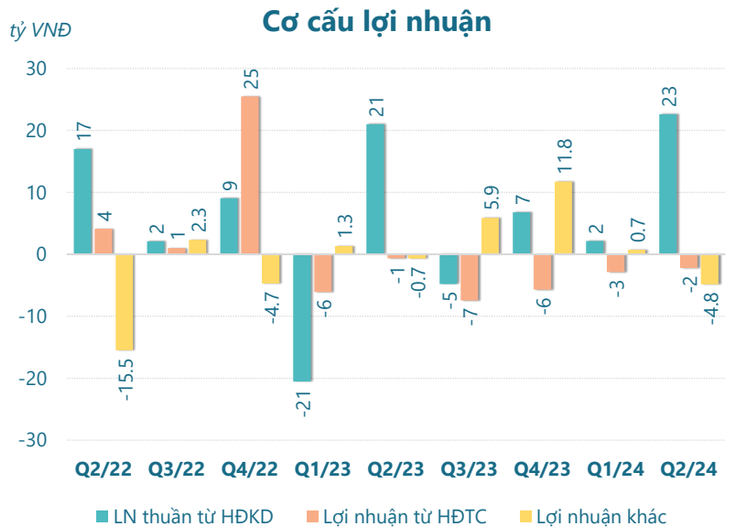
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 22.63 tỷ đồng**, tăng thêm 953% so với kỳ trước và cao hơn 7.81% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.22 tỷ đồng** tăng thêm 0.64 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 1.59 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 4.84 tỷ đồng** giảm đi 772% so với kỳ trước và giảm đi 4.14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **ICT** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **689.0 tỷ đồng** tăng thêm **17.1%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 14.51 tỷ đồng**, **giảm sút 28.5%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **789.0 tỷ đồng** cao hơn 18.5% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 17.00 tỷ đồng** cao hơn 1600% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **2.54 tỷ đồng** giảm đi 8.63% so với kỳ trước và thấp hơn 71.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **27.35 tỷ đồng** tăng thêm 47.0% so với kỳ trước và cao hơn 28.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **12.98 tỷ đồng** tăng thêm 64800% so với kỳ trước và cao hơn 154% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Viễn thông - Tin học Bưu điện (HSX: ICT)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**689**	**100**	**589%**	**588**	**17.2%**	**789**	**666**	**18.5%**
Giá vốn hàng bán	637	76.8	729%	545	16.8%	714	619	15.3%
Lợi nhuận gộp	52.2	23.6	121%	43.0	21.4%	75.8	47.0	61.3%
Doanh thu HĐTC	3.89	0.52	648%	9.95	-60.9%	4.41	11.6	-62.0%
Chi phí TC	6.11	3.39	80.3%	10.6	-42.4%	9.50	18.3	-48.2%
Chi phí lãi vay	2.54	2.78	-8.6%	8.89	-71.4%	5.32	16.1	-66.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	14.8	9.52	55.8%	11.8	25.7%	24.4	21.0	16.2%
Chi phí QLDN	**12.5**	**9.09**	**37.7%**	**9.53**	**31.3%**	**21.6**	**18.9**	**14.3%**
LN thuần từ HĐKD	22.6	2.15	952%	21.0	7.7%	24.8	0.43	5638%
Lợi nhuận khác	**-4.84**	**0.72**	**-772%**	**-0.70**	**-591%**	**-4.12**	**0.63**	**-757%**
LN trước thuế	17.8	2.87	520%	20.3	-12.4%	20.7	1.06	1851%
Lợi nhuận sau thuế	**14.5**	**2.29**	**534%**	**20.3**	**-28.5%**	**16.8**	**1.06**	**1487%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.5**	**2.29**	**534%**	**20.3**	**-28.5%**	**16.8**	**1.06**	**1487%**

